

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD03237**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Thiết kế trình diễn trên máy tính**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030341	Nguyễn Quốc Bảo	10/09/2009					7	7.5	6.0	7.0	7.0		5.8		6.2
2	2454802030344	Ab Dus Sa Lam A Fan Di	20/03/2009					6	5.0	7.0	5.5	6.0		6.0		6.0
3	2454802030346	Đỗ Thành Đức	19/01/2006					9	9.0	8.5	9.0	9.0		5.5		6.9
4	2454802030348	Mu Ham Mad Ary Fiên	23/08/2009					6	6.0	5.5	6.0	7.0		5.0		5.4
5	2454802030349	Nghiêm Đức Hà	01/05/2009					7	6.5	7.5	7.0	7.0		9.5		8.5
6	2454802030350	Ysa Zain Hisaan	27/05/2009					9	9.0	9.0	8.0	9.0		10.0		9.5
7	2454802030351	Lê Hoàng Huy	30/10/2009					8	8.0	8.0	8.0	8.0		9.5		8.9
8	2454802030353	Trần Lê Phúc Khang	05/01/2009					8	7.5	8.5	8.0	8.0		9.5		8.9
9	2454802030354	Ngô Đức Minh Khoa	19/10/2009					7	6.0	7.0	8.0	7.0		7.0		7.0
10	2454802030355	Võ Đăng Khoa	19/09/2009					7	7.0	6.5	7.5	7.0		5.5		6.1
11	2454802030356	Phạm Thành Luân	04/07/2009					5	6.0	5.5	4.0	6.0		6.5		6.0
12	2454802030357	Trần Sỹ Luân	05/10/2009					7	7.0	6.0	6.5	7.0		5.0		5.7
13	2454802030358	Trần Thị Tuyết Mai	18/03/2009					8	7.0	8.0	8.5	8.5		8.3		8.2
14	2454802030359	Đinh Thị Hà My	05/09/2009					9	9.0	10.0	9.0	9.5		9.0		9.1
15	2454802030361	Nguyễn Trần Kim Ngọc	25/01/2009					8	8.0	7.5	8.5	8.0		8.5		8.3
16	2454802030362	Thái Nguyễn Minh Ngọc	25/07/2009					6	6.0	6.5	7.0	6.0		5.3		5.7
17	2454802030363	La Huỳnh Phương Như	04/10/2009					0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
18	2454802030364	Võ Thành Nhựt	11/10/2009					5	4.5	5.5	5.0	5.0		0.0	0.0	2.0
19	2454802030365	Châu Mus Ta Pha	16/07/2008					5	6.0	5.0	5.0	5.0		5.0		5.1
20	2454802030366	Huỳnh Hồng Pháp	04/08/2009					0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
21	2454802030368	Trương Kim Khánh Phương	14/03/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
22	2454802030369	Thái Anh Quân	25/03/2008					7	6.5	6.0	7.5	7.5		8.5		7.9
23	2454802030370	Lê Thị Thanh Thảo	04/11/2008					6	6.0	6.0	7.0	6.0		5.0		5.5
24	2454802030371	Nguyễn Thụy Minh Thư	06/06/2007					10	9.5	10.0	9.0	9.5		10.0		9.8
25	2454802030372	Đặng Văn Toàn	26/01/2009					7	7.0	7.0	7.5	7.0		5.3		6.0
26	2454802030373	Trần Văn Trọng	14/09/2008					8	8.0	7.5	8.5	8.0		8.0		8.0
27	2454802030374	Đặng Bảo Quốc Trung	31/08/2009					6	5.0	5.0	6.0	6.0		7.5		6.7
28	2454802030375	Châu Thị Cẩm Tú	26/12/2009					7	6.0	7.5	7.5	7.0		7.0		7.0
29	2454802030376	Huỳnh Thu Vân	18/06/2009					8	8.0	8.0	8.5	8.0		6.5		7.1
30	2454802030378	Huỳnh Kim Yến	25/09/2008					6	5.0	6.0	5.5	6.5		5.0		5.3

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 31 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Cao Thị Yến